

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
TT, TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mai**

2. Ông **Nguyễn Văn Chiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988; có mặt

ĐKHKT và nơi ở: Thôn YM, xã BY, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Có mặt.

ĐKHKT: Thôn YM, xã BY, huyện TT, Thành phố Hà Nội

Hiện ở: Thôn PÔ, xã BP, huyện TT, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2021 cùng các bản khai, biên bản hòa giải và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T trình bày thì: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã BY, huyện TT, thành phố

Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong sinh hoạt và cách làm ăn. Chị T không tập trung để lo lắng kinh tế cho con cái và gia đình. Vợ chồng sống với nhau chưa được bao lâu thì chị T liên tục đòi ly hôn. Anh đã phải nhẫn nhịn nhiều để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không được chị T liên tục bỏ đi xong lại về. Đến tháng 8 năm 2019 thì chị T đòi về ở nhà bố mẹ đẻ ở. Anh đã gọi chị về nhưng chị T không về và vợ chồng đã ly thân từ đó. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, anh đề nghị toà án sớm giải quyết được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/11/2010; Nguyễn Quốc V, sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Quốc Bảo T, sinh ngày 18/8/2017, hiện cả ba con đang ở với anh, anh có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại các bản khai và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày thì: Chị và anh T kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã BY, huyện TT trên cơ sở tự nguyện như anh T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do thường xuyên bất đồng quan điểm, không hợp nhau cả về kinh tế và cách sinh hoạt của gia đình bố mẹ chồng, cuộc sống luôn căng thẳng. Chị không chịu đựng được nên tháng 8 năm 2019 chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T có gọi chị về nhưng chị không về. Nay anh T xin ly hôn nhưng chị nghĩ về con cái sẽ vất vả nên không muốn ly hôn đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng được đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Chị xác nhận có 03 con chung là Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/11/2010; Nguyễn Quốc V, sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Quốc Bảo T, sinh ngày 18/8/2017, hiện các cháu đang ở với anh T. Nếu phải ly hôn chị xin được nuôi cháu Nguyễn Quốc Bảo T.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Nếu phải ly hôn chị đề nghị anh T thanh toán toàn bộ các công nợ vặt vặt chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân mà vợ chồng hiện còn đang nợ. Vì số nợ đó là mua sắm và sửa chữa những dụng cụ sinh hoạt chung trong gia đình.

Tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và đồng ý theo yêu cầu của chị T, để chị T nuôi cháu Nguyễn Quốc Bảo T và anh sẽ thanh toán toàn bộ các công nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quốc T và chấp nhận các yêu cầu đề nghị của chị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Quốc T. Bị đơn chị Nguyễn Thị T cư trú trên địa bàn huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UBND xã BY, huyện TT, TP Hà Nội ngày 22/12/2009. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và đã có 03 con chung, xong thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt và cách làm ăn. Đến tháng 8 năm 2019, mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện về thời gian để hai bên tìm phương pháp giải quyết mâu thuẫn. Tại phiên hòa giải chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý xin được ly hôn. Sau khi tiến hành lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, trong thời hạn 7 ngày chị T đã có đơn đề nghị thay đổi không đồng ý ly hôn vì lý do cuộc sống của con cái sau này sẽ vất vả. Tuy nhiên tại phiên hòa giải lần 2 Tòa tiến

hành phân tích giải thích cho các bên, động viên anh T tạo điều kiện cho chị T về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Xong chị T không chịu tiếp thu còn có những lời nói thô bạo xúc phạm anh T, không chấp hành nội quy phiên hòa giải, không tôn trọng Tòa án sau đó tát anh T và bỏ về không ký vào biên bản hòa giải. Chứng tỏ việc chị T không muốn ly hôn là chỉ để nhằm kéo dài thời gian gây khó khăn cho anh T. Do vậy Hội đồng xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 03 con chung là Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/11/2010; Nguyễn Quốc V, sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Quốc Bảo T, sinh ngày 18/8/2017.

Tại phiên tòa các bên thống nhất thỏa thuận giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/11/2010 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 05/01/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của cháu K. Giao cháu Nguyễn Quốc Bảo T, sinh ngày 18/8/2017, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

2.3. Về tài sản, công sức nợ chung: Anh T nhất trí quản lý toàn bộ các dụng cụ sinh hoạt chung trong gia đình và chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các công nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Quốc T.

1.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

1.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 24/11/2010 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 05/01/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu K.

Giao cháu Nguyễn Quốc Bảo T, sinh ngày 18/8/2017, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì các bên không yêu cầu, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau trong thời gian các bên không yêu cầu.

Chị T anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản, công sức nợ chung: Anh T quản lý toàn bộ các dụng cụ sinh hoạt chung trong gia đình và chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các công nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2020/0025051 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã BY;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Thiết